**THÔNG TIN CHUNG VỀ SÁNG KIẾN**

1.Tên sáng kiến: “**Góp phần nâng cao chất lượng giờ dạy chính tả cho học sinh lớp 3”.**

2.Lĩnh vực áp dụng sáng kiến:Học sinh lớp 3.

3. Tác giả: Họ và tên: Trần Thị Hoa (Nữ)

Ngày tháng/năm sinh:10/11/1970

Trình độ chuyên môn:Đại học sư phạm

Chức vụ, đơn vị công tác:giáo viên- Trường Tiểu học –Tân Việt.

Điện thoại:0334525636.

4. Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến: Trường Tiểu học Tân Việt

-Điện thoại:03203778041.

5. Đơn vị áp dụng sáng kiến lần đầu : Khối lớp 3- Trường Tiểu học Tân Việt

6. Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến:

-Trường học, lớp học đủ cho học sinh học 2 buổi /ngày, học sinh, giáo viên.

-Đồ dùng học tập của GV-HS,sách giáo khoa Tiếng Việt.(Lớp 3)

7. Thời gian áp dụng sáng kiến lần đầu: -Bắt đầu từ tháng 9/2021

|  |  |
| --- | --- |
| **HỌ TÊN TÁC GIẢ (KÝ TÊN)**Trần Thị Hoa | **XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN ĐƠN VỊ ÁP DỤNG SÁNG KIẾN** |

 **TÓM TẮT SÁNG KIẾN**

 “**Góp phần nâng cao chất lượng giờ dạy chính tả cho**

 **học sinh lớp 3”.**

Môn Tiếng Việt trong nhà trường có mục tiêu cơ bản là hình thành và phát triển các kỹ năng đọc, viết, nghe, nói của người học trên cơ sở trang bị những kiến thức về ngôn ngữ và Tiếng Việt nhằm làm cho người học nâng cao dần năng lực ngôn ngữ để đáp ứng nhu cầu giao tiếp và của chính mình. Do mục tiêu của môn học hướng tới giao tiếp và tư duy nên thực chất môn Tiếng Việt là môn học hình thành ở người học các hoạt động về giao tiếp và tư duy là những hoạt động của học sinh.

 Tiếng mẹ đẻ - một yếu tố không thể thiếu được trong hệ thống giáo dục và đào tạo con người của mỗi quốc gia. Bốn kỹ năng: đọc, nghe, nói viết thành thạo Tiếng Việt phải được quan tâm rèn cho học sinh ngay từ lớp học đầu tiên của cấp học đầu tiên. Rèn cho học sinh nói đúng chính âm, viết đúng chính tả Tiếng Việt là một việc làm không phải dễ dàng, nhất là đối với học sinh nhỏ. Vì chính tả là những quy ước xã hội trong ngôn ngữ. Mục đích của nó là làm phương tiện truyền đạt những tin bằng chữ viết, đảm bảo cho người viết và người đọc đều hiểu, thống nhất nội dung văn bản thế nên phải chuẩn về chính tả. Chính tả trước hết là sự quy định của tính chất xã hội, nó không cho phép vận dụng quy tắc viết một cách linh hoạt có tính cá nhân, nghĩa là mọi người đều phải tuân thủ theo một quy tắc chính tả.

 Ở bậc tiểu học phân môn chính tả chiếm một vị trí rất quan trọng bởi vì đây là giai đoạn then chốt trong quá trình hình thành kỹ năng chính tả cho học sinh, không phải ngẫu nhiên ở bậc tiểu học chính tả được bố trí thành một phân môn độc lập( thuộc môn Tiếng Việt) có tiết dạy riêng mà do tính chất thực hành và nhiệm vụ đặc trưng của nó là giúp học sinh nắm các quy tắc chính tả, hình thành kỹ năng viết đúng chính tả hình thành kỹ năng viết đúng chính tả và rèn cho học sinh một số phẩm chất như: tính cẩn thận, óc thẩm mỹ, bồi dưỡng lòng yêu quý và ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

 Thực tế cho thấy có nhiều học sinh khi đã học xong Tiểu học, thậm chí có khi đã trưởng thành rồi mà vẫn nói sai, viết sai chính tả Tiếng Việt. Dư luận xã hội cũng có lúc cho rằng chữ viết của học sinh có xu hướng xấu đi và mắc quá nhiều lỗi. Vấn đề đó cũng do nhiều nguyên nhân trong đó có nguyên nhân do lịch sử để lại, có nguyên nhân do người dạy và có nguyên nhân do người học. Song thiết nghĩ do nguyên nhân nào thì cũng có giải pháp để khắc phục.

 Do vậy muốn cho trẻ nhỏ lớp 3 viết chính tả tốt ít mắc lỗi chính tả hoặc không mắc lỗi chính tả trong khi viết thì ngay những lớp đầu cấp này người giáo viên Tiểu học phải nắm vững mục đích yêu cầu của môn chính tả lớp 3 cụ thể là:

 \* Rèn cho học sinh kỹ năng viết chính tả và kỹ năng nghe các mức độ rèn viết chính tả ở lớp 3:

+ Chính tả đoạn, bài: nhìn viết( tập chép), nghe - viết hoặc nhớ viết một bài hoặc một đoạn có độ dài trên dưới 70 chữ( tiếng ).

+ Chính tả âm vần: luyện viết các từ có âm, vần dễ viết sai chính tả do không lắm vững quy tắc chữ quốc ngữ hoặc do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương…

\* Các chỉ tiêu cần đạt:

+ Viết chữ đúng mẫu, đúng chính tả, không mắc quá 5 lỗi/ 1 bài trên dưới 70 chữ.

+ Đạt tốc độ viết khoảng 70 chữ / 15 phút.

 Kết hợp luyện tập chính tả với việc rèn luyện cách phát

âm, củng cố nghĩa từ, trau dồi về ngữ pháp Tiếng Việt, góp phần phát triển một số thao tác tư duy( nhận xét, liên tưởng, ghi nhớ…).

 Phân môn chính tả còn bồi dưỡng một số đức tính thái độ cần thiết trong công việc như: tính cẩn thẩn chính xác, có óc thẩm mỹ, lòng tự trọng và tinh thần trách nhiệm.

 Chính vì“Nét chữ nết người” để góp phần giúp học sinh nắm vững quy tắc chính tả, khắc phục được lỗi sai, viết đúng chính tả đảm bảo sự trong sáng của Tiếng Việt nên tôi đã chọn đề tài: “ Góp phần nâng cao chất lượng giờ dạy chính tả cho học sinh lớp 3” để nghiên cứu và áp dụng thực hành từ lớp mình chủ nhiệm và một số lớp trong khối.

 Khi tôi áp dụng sáng kiến này vào giảng dạy, thì kết quả học tập của học sinh đã tiến bộ rõ rệt, được thể hiện qua hệ thống bài chính tả mà các em viết,qua các bài kiểm tra định kì.Đây chính là điều kiện để học sinh học tốt môn Tiếng Việt ở bậc Tiểu học và đặt nền móng vững chắc cho các em học tốt môn Tiếng Việt sau này ở cấp học phổ thông cơ sở.Bản thân tôi tự rút ra kinh nghiệm cho mình và đem lại lợi ích cho học sinh.

 Sáng kiến của tôi đã nghiên cứu và áp dụng vào việc hướng dẫn học sinh đạt được kết quả .Tôi nhận thấy và khẳng định sáng kiến có thể áp dụng vào giảng dạy môn Tiếng Việt nhất là khi dạy chính tả cho học sinh lớp 3.

Thế nhưng để áp dụng sáng kiến đạt được kết quả cao thì mỗi giáo viên trong khối phải căn cứ vào tình hình đặc điểm thực tế ở lớp mình, rồi vận dụng linh hoạt sáng kiến để đạt kết quả cao như mong muốn đáp ứng yêu cầu giáodục hiện nay.

Nhà trường cần thường xuyên tổ chức chuyên đề,áp dụng một số kinh nghiệm dạy Tiếng Việt phù hợp với điều kiện địa phương cho giáo viên dự và thực nghiệm.

Có đủ SGK, tài liệu tham khảo và các thiết bị dạy học phục vụ cho môn Tiếng Việt.

Tôi rất mong muốn sáng kiến này được ban giám hiệu, cùng các đồng chí giáo viên trong tổ, khối 3 tham gia đóng góp để sáng kiến của tôi được hoàn thiện hơn và được áp dụng rộng rãi hơn.

**MÔ TẢ SÁNG KIẾN**

**1. Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến:**

Thực hiện nghị quyết số 29-NQ/T**w** với nội dung đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo,đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa hiện đại hóa.Đảng và nhà nước xác định mục tiêu của đổi mới là tạo chuyển biến căn bản ,mạnh mẽ và chất lượng, hiệu quả giáo dục,đào tạo,đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng ,bảo vệ Tổ Quốc và nhu cầu học tập của nhân dân.Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt tiềm năng,khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; Yêu gia đình ,yêu Tổ Quốc,yêu đồng bào;sống tốt và làm việc có hiệu quả.Xây dựng nền giáo dục mở,thực học ,thực nghiệp,dạy tốt,học tốt, quản lý tốt; có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lí,gắn với xây dựng xã hội;đảm bảo các điều kiện nâng cao chất lượng,chuẩn hóa,hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

**2.Cơ sở lí luận của vấn đề:**

Trong những năm gần đây, phong trào đổi mới phương pháp dạy học trong trường Tiểu học được quan tâm và đẩy mạnh không ngừng để ngay từ cấp Tiểu học, mỗi học sinh đều cần và có thể đạt được trình độ học vấn toàn diện, đồng thời phát triển được khả năng của mình về một môn nào đó nhằm chuẩn bị ngay từ bậc Tiểu học những con người chủ động, sáng tạo đáp ứng được mục tiêu chung của cấp học và phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước.

 Chữ viết Tiếng Việt là chữ viết ghi âm. Cho nên nguyên tắc chính tả chủ yếu là Tiếng Việt là nguyên tắc ngữ âm học. Nghĩa là mỗi âm vị được thể hiện bằng một( hoặc một tổ hợp) chữ cái, mỗi âm tiết, mỗi từ có một cách viết nhất định. Nói cách khác chính tả Tiếng Việt được xây dựng theo nguyên tắc trực tiếp, cơ chế của chính tả được xây dựng trên mối tương quan âm vị- chữ cái ngoài ra chính tả Tiếng Việt còn xây dựng trên nguyên tắc khu biệt truyền thống lịch sử… những nguyên tắc ngữ âm học.

 Dạy đúng chính tả cho học sinh lớp 3 nhằm phát hiện ngằn ngừa sửa chữa những vi phạm( sửa lỗi chính tả). Chính tả Tiếng Việt không chỉ đơn giản là cách viết theo sát ngữ âm, cách viết hoàn toàn giống nói. Chính tả có xu hướng thống nhất, chuẩn hoá, không phải là chính tả cho từng phương ngữ, từng khu vực có biến thể ngữ âm riêng biệt.

 Dạy cho học sinh biết phân biệt, so sánh theo các phương pháp dạy khắc phục lỗi sai khu vực, phối ghi nhớ có ý thức với ghi nhớ không có ý thức, phối hợp các giải pháp tích cực trong việc sửa lỗi cho học sinh…Qua đó học sinh có thể nhận biết chấp nhận cái đúng, lược bỏ cái sai khắc phục những tồn tại học sinh thường mắc phải, tạo hứng thú cho học sinh học tập. Đây cũng là điều kiện để học sinh học tốt môn Tiếng Việt ở bậc tiểu học.

**3. Thực trạng của vấn đề:**

 “**Góp phần nâng cao chất lượng giờ dạy chính tả cho học sinh lớp 3”.**

 Thông qua dự giờ thăm lớp, thông qua việc chấm chữa bài cho học sinh tôi thấy nổi cộm 2 vấn đề cơ bản sau:

1. Về giáo viên**:**

Các phương tiện đồ dùng dạy học phục vụ cho các dạng bài chính tả còn hạn chế. Giáo viên chưa tìm được giải pháp tích cực trong việc sửa lỗi cho học sinh. Việc chấm chữa bài cho học sinh đôi khi chưa triệt để. Mặt khác do phương pháp giảng dạy bộ môn chưa có sự thống nhất, giáo viên chủ yếu dựa vào sách hướng dẫn, sử dụng lời nói, gợi ý đặt câu hỏi, học sinh ít hoạt động. Với cách học như vậy giáo viên là người làm nhiệm trung tâm trong bài giảng của mình. Một số giáo viên còn nói ngọng âm l-n. Giáo viên cũng coi trọng phương pháp“ Lấy học sinh làm trung tâm” nhưng sử dụng sai phương pháp dẫn đến tình trạng như trên.

1. Về học sinh:

 Qua thực tế giảng dạy tôi nhận thấy:

 - Một số học sinh lĩnh hội bằng giác quan bên ngoài không hiểu bản chất bên trong dẫn đến học sinh không phát huy hết tính độc lập.

 - Khả năng ghi nhớ có ý thức và ghi nhớ không có ý thức còn hạn chế, sức tập trung chú ý còn chưa cao( chóng nhớ nhưng mau quên) việc thực hành ở nhà lại không thường xuyên.

 -Một phần cũng do ảnh hưởng của phương ngữ dẫn đến lỗi sai đại trà khó sửa.

 Tổng số học sinh lớp 3A tôi trực tiếp giảng dạy là 32 em. Qua những tiết dạy chính tả ở trên lớp tôi nhận thấy những lỗi sai cơ bản của học sinh là các phụ âm đầu, do phương ngữ và cũng do chưa nắm rõ các nguyên tắc ngữ âm học…Do vậy dẫn đến học sinh viết sai chính tả.

 \* Ví dụ: Điều tra khả năng viết chính tả của học sinh lớp 3A:

 Điều tra bài viết chính tả qua bài: Quê hương ruột thịt ( SGKTV3 tập 1 trang 78)

 Tổng số bài 32 bài

 Trong đó có: 12 bài viết sai phụ âm đầu l, n, s, x, gi, d, r, ch, tr.

 + Với phụ âm đầu l/ n có rất nhiều em viết sai

 + Với phụ âm đầu r/ d; ch/ tr và vần cũng có nhiều em viết sai.

 “ chốn này’’ viết thành“chốn lày’’

 “ trái sai’’ viết thành“ chái xai’’

 “ da dẻ’’ viết thành “ ra dẻ’’

 “oa oa’’ viết thành “ ao ao’’

- Một số học sinh khi viết không viết hoa, tuỳ tiện không theoquy tắc nào cả.

 Ví dụ: Chị sứ yêu biết bao cái chốn này, nơi chị oa oa cất tiếng khóc đầu tiên, nơi quả ngọt, trái sai đã thắm hồng da dẻ chị.

Học sinh viết: Chị sứ yêu biết bao cái chốn lày, nơi chị ao ao cất tiếng khóc đầu tiên, nơi quả ngọt chái xai đã thắm hồng ra dẻ chị.

- Qua việc điều tra một bài viết chính tả trên và quá trình dạy ở lớp 3A do tôi chủ nhiệm, tôi thấy học sinh sai lỗi chính tả còn nhiều. Để khắc phục tình trạng trên cần có sự nỗ lực của giáo viên và bản thân mỗi học sinh.

 \* Phiếu dự giờ: lớp 3B

 Môn: Chính tả( nghe- viết)

 Bài : Chiều trên sông Hương(SGKTV3 tập 1 trang 96)

1. Bài cũ:

 Giáo viên gọi hai học sinh nên bảng viết từ khó trong bài:

“ Vẽ quê hương” từ: trời xanh, dòng suối, ánh sáng, xứ sở.

* Giáo viên nhận xét ghi điểm.
1. Bài mới:

 a. Giới thiệu bài: giờ chính tả trước các em đã viết bài: Vẽ quê hương, hôm nay cô hướng dẫn các con học viết bài: Chiều trên sông Hương.

 b. Bài giảng:

- Giáo viên đọc mẫu một lần- 2 học sinh đọc lại, cả lớp theo dõi sách giáo khoa.

- Hướng dẫn học sinh nắm nội dung bài chính tả.

- Tác giả tả những hình ảnh và âm thanh nào trên sông Hương? ( Khói thả nghi ngút cả một vùng tre trúc trên mặt nước, tiếng lanh canh của thuyền chài gõ những mẻ cá cuối cùng, khiến mặt sông nghe như rộng hơn…)

- Hướng dẫn học sinh từ khó trong bài:

 Từ “ buổi chiều’’ tiếng “ chiều’’ có âm gì ghép với vần gì?

 chiều: ( ch + iêu + thanh huyền)

 Từ: “ lạ lùng’’ tiếng “ lạ’’ tiếng “ lùng” có âm gì ghép với vần gì?

 lạ: ( l + a + thanh nặng)

 lùng: ( l +ung + thanh huyền)

 Từ “ tre trúc” tiếng “ tre” tiếng “ trúc” có âm nào ghép với vần nào?

 tre: (tr + e)

 trúc: ( tr +uc + thanh sắc)

 Từ: “ thuyền” có âm nào ghép với vần nào?

 thuyền: ( th + uyên + thanh huyền)

- Những chữ nào trong bài phải viết hoa? ( Chiều, Cuối,Phía, Đầu, Hương, Huế, Cồn Hến)

- Hướng dẫn học sinh viết từ khó:

 + Gọi hai học sinh nên bảng viết: lạ lùng, vắng lặng, buổi chiều, thuyền.

 + Học sinh dưới lớp viết bảng con: sông Hương, quanh.

Giáo viên nhận xét chữa bài

 Học sinh viết bài vào vở.

 + Giáo viên đọc cho học sinh viết theo từ, cụm từ, câu.

 + Giáo viên rèn tư thế ngồi để vở cho học sinh.

 + Giáo viên đọc cho học sinh soát lỗi và tự chữa lỗi.

 + Giáo viên chấm 5 bài, nhận xét chung.

 + Giáo viên cho học sinh làm bài tập 2, 3 trang 58, vở bài tập Tiếng Việt 3 ( tập 1) rồi chữa bài trên bảng phụ.

 + Thu bài về nhà chấm điểm

1. Củng cố - dặn dò:

+Nhắc lại cách viết từ khó trong bài.

 Nhận xét giờ dạy:

 + Giáo viên đã thực hiện đầy đủ các bước lên lớp.

 + Hướng dẫn học sinh tương đối tỉ mỉ cách viết từ khó nhưng chưa hướng dẫn học sinh đọc từ khó.

 + Học sinh viết bài với tốc độ hơi chậm.

1. Tìm hiểu nguyên nhân:

Qua việc dự giờ thăm lớp của bạn cũng như việc điều tra về

lỗi chính tả của học sinh lớp tôi chủ nhiệm, tôi thấy kĩ năng viết chính tả của học sinh còn hạn chế các em viết sai nhiều và chủ yếu tập trung vào các lỗi như: âm đầu, vần, viết hoa tuỳ tiện.

- Do ảnh hưởng phương ngữ của địa phương.

- Do học sinh chưa nắm chắc quy tắc chính tả của Tiếng Việt.

 Các quy tắc viết chính tả này học sinh được tiếp thu chủ yếu từ người giáo viên.

-Do vốn sống của học sinh còn hạn hẹp, vốn từ ngữ chưa nhiều và do đặc điểm tâm lý của học sinh tiểu học còn nhỏ hay quên nên việc nắm bắt các quy tắc chính tả để viết cho đúng còn hạn chế, học sinh chưa biết thế nào là đúng, thế nào là sai.

- Do phương pháp giảng dạy của giáo viên chưa quan tâm nhiều đến việc viết đúng chính tả của học sinh, hướng dẫn học sinh viết từ khó còn chưa kĩ còn chưa sâu, chưa hướng dẫn học sinh viết hoa như thế nào đúng dẫn đến các em viết sai

**4.Các giải pháp, biện pháp thực hiện:**

a/ Chương 1.

**Tổng quát kinh nghiệm góp phần nâng cao chất lượng giờ dạy chính tả cho học sinh lớp 3.**

 Chữ viết Tiếng Việt là chữ viết ghi âm. Cho nên nguyên tắc chính tả chủ yếu là tiếng Việt là nguyên tắc ngữ âm học. Nghĩa là mỗi âm vị được thể hiện bằng một( hoặc một tổ hợp) chữ cái, mỗi âm tiết, mỗi từ có một cách viết nhất định. Nói cách khác chính tả Tiếng Việt được xây dựng theo nguyên tắc trực tiếp, cơ chế của chính tả được xây dựng trên mối tương quan âm vị- chữ cái ngoài ra chính tả Tiếng Việt còn xây dựng trên nguyên tắc khu biệt truyền thống lịch sử… những nguyên tắc ngữ âm học.

 Dạy đúng chính tả cho học sinh lớp 3 nhằm phát hiện ngằn ngừa sửa chữa những vi phạm( sửa lỗi chính tả). Chính tả Tiếng Việt không chỉ đơn giản là cách viết theo sát ngữ âm, cách viết hoàn toàn giống nói. Chính tả có xu hướng thống nhất, chuẩn hoá, không phải là chính tả cho từng phương ngữ, từng khu vực có biến thể ngữ âm riêng biệt.

 Dạy cho học sinh biết phân biệt, so sánh theo các phương pháp dạy khắc phục lỗi sai khu vực, phối ghi nhớ có ý thức với ghi nhớ không có ý thức, phối hợp các giải pháp tích cực trong việc sửa lỗi cho học sinh…Qua đó học sinh có thể nhận biết chấp nhận cái đúng, lược bỏ cái sai khắc phục những tồn tại học sinh thường mắc phải, tạo hứng thú cho học sinh học tập. Đây cũng là điều kiện để học sinh học tốt môn Tiếng Việt ở bậc tiểu học..

b/Chương 2. Nội dung vấn đề nghiên cứu

b.1. Nghiên cứu chương trình sách giáo khoa:

\*Chương trình môn chính tả lớp 3:

 Mỗi tuần có hai bài chính tả, mỗi bài học trong một tiết,tổng hợp lại trong hai học kỳ học sinh được học 62 tiết chính tả.

**1/Nội dung:**

 Chính tả đoạn bài.

-Chính tả âm vần

 + Chính tả tập chép: 4 tiết

 + Chính tả nghe viết : 51 tiết

 + Chính tả nhớ viết : 7 tiết

**2/Khắc phục lỗi chính tả**

 Đối với học sinh bậc tiểu học nói chung và học sinh lớp 3 nói riêng, học sinh rất hay mắc lỗi chính tả theo khu vực. Do điều kiện học sinh, sinh sống, sinh hoạt theo địa phương, đặc trưng cơ bản của phương ngữ Bắc Bộ. Địa bàn dân cư của nước tôi nằm trong vùng miền Bắc Bộ nên đã có sự phát âm hay nhầm lẫn giữa phụ âm l/ n, hay chưa phân biệt được s/ x, tr/ ch,

r/ d/gi và một số vần iu/ ưu, ươu/ iêu. Từ việc phát âm nhầm lẫn không đúng dẫn đến các em có lỗi viết sai chính tả, viết theo phát âm.

 Để khắc phục lỗi sai cho học sinh mà nguyên nhân là do phát âm sai theo khu vực, trong mỗi bài dạy chính tả tôi đã lựa chọn nội dung giảng dạy cho phù hợp có phụ âm đầu nêu trên cho học sinh phân biệt, đối chiếu, so sánh sửa lỗi sai.

**2.1/Phân biêt l-n**

1. Do phát âm sai nên học sinh thường nói sao viết vậy. Ở trong nhiều trường hợp có thể phân biệt l/ n theo đặc điểm kết hợp của l và n trong cấu trúc âm tiết( thể hiện khi viết chữ âm tiết), khả năng kết hợp l-n trong cấu trúc âm tiết có âm đệm hoặc không có âm đệm

|  |  |
| --- | --- |
|  Âm đầu |  Vần |
|  Âm đệm | Âm chính  |  Âm cuối |
|  l |  o |  a |  n |
|  n |  |  a |  n |

 L xuất hiện trong các âm có âm đệm.

 N không xuất hiện trong các âm tiết có âm điện( trừ hai từ Hán Việt) nay vẫn dùng từ noãn và noa)

 Do đó khi gặp âm tiết có hai hay ba chữ nguyên âm đi liền nhau o hay u đứng trước thì chữ phát âm viết l : oa, uâ, oe, uê, uy( loa, loăn, luân, loe, luy, luyên,…)

1. Khả năng cấu tạo của từ của từ láy với các âm tiết bắt đầu băng l hay n: l và n không láy âm với nhau trong một từ láy: l có thể láy với phụ âm khác ( trừ n), n trái lại chỉ láy với chính nó mà thôi, không láy với bất kỳ phụ âm nào khác

Ví dụ: no nê, nao núng…

Lạnh lùng, lo lắng,..

1. Dựa vào hiện tượng đồng nghĩa có biến thể ngữ âm tiết hoặc gần nghĩa để viết đúng chính tả.

+ Những từ có âm tiết gần nghĩa với âm đầu n ( không viết n)

Ví dụ: nạo - cạo

 nạy - cạy

 **2.2/Chính tả phân biệt tr- ch**

Trong phương ngữ miền Bắc không có phụ âm đầu tr. Do vậy học sinh nói sao viết vậy. Muốn cho học sinh viết đúng các âm tiết có âm đầu tr hay ch dựa vào một số đặc điểm sau:

a.Khả năng kết hợp với tr và ch trong cấu trúc âm tiết có âm đệm hoặc không có âm đệm. Nếu trong chữ âm tiết có oa, oă, oe, uê, thì âm tiết đó chỉ có thể đầu viết ch( không viêt tr )

|  |  |
| --- | --- |
| Âm đầu |  Vần |
| Âm đệm | Âm chính | Âm cuối |
| tr |  | aăeê | (Có thể có âm cuối hoặc không). Riêng trường hợp âm chính ă bắt buộc có âm cuối  |
| ch | ooou | aăeê | (Có thể có âm cuối hoặc không ). Riêng trường hợp âm chính ă bắt buộc có phụ âm cuối. |

b.Khả năng cấu tạo từ láy với các âm tiết viết tr hoặc ch, ch và tr không láy âm đầu với nhau trong một từ láy.

 Tr xuất hiện trong một số lượng hạn chế các từ láy: trơ trọi, trơ trụi, trống trải,…

 Ch xuất hiện trong nhiều từ láy âm đầu: chập choạng, chững chạc, chậm chạp,…

1. **Dựa vào ngữ âm để phân biệt tr –ch:**

 Một số từ viết với âm đầu tr đồng nghĩa với từ viết âm đầu gi

Ví dụ: Trai – giai

 Trầu - giầu

 Những từ chỉ vị trí viết âm đầu tr ( không viết ch): trên, trong, trước…

 Một số trường hợp viết ch ( không viết tr)

 Danh từ hay đại chỉ quan hệ thân thuộc: cha, chú, cháu,…

Danh từ chỉ đồ vật thường dùng trong nhà: chum, chĩnh, chén, chạn,…

 Từ có ý nghĩa phủ định: chẳng, chưa, chớ,…

 Một số từ viết tr ( không viết ch) có từ đồng nghĩa hoặc yếu tố Hán Việt đồng nghĩa với phụ âm khác.

 Ví dụ: chọc- thọc

 3Chùa - tự

**2.3/Chính tả phân biệt s/ x**

 Trong phương ngữ miền Bắc không có phụ âm s, để viết đúng chính tả có thể dựa vào một số đặc điểm sau:

 a. Khả năng kếp hợp của s và trong các âm tiết có âm đệm( viết o hay u ) và âm tiết không có âm đệm.

|  |  |
| --- | --- |
| Âm đầu |  Vần |
|  | Âm đệm  | Âm chính |  Âm cuối |
| s |  | a | ( Có âm cuối hoặc không có âm cuối). Riêng trường hợp âm chính ă bắt buộc có âm cuối. |
| x | o/u | a |
| ă |
| e |
| ê |
|  |

 S không xuất hiện trong các âm tiết có âm đệm.

 X xuất hiện trong các âm tiết có âm đệm.

 Ví dụ: xoay xở

 xuề xoà

 xoèn xoẹt

b. Khả năng cấu tạo từ láy: s và x không cùng xuất hiện trong cùng một từ láy. Vì vậy chỉ có trường hợp láy âm tiết A và âm tiết B đều viết với x.

 Ví dụ: sung sướng, sục sạo, san sát,…

 Xanh xao, xao xuyến, xấp xỉ,..

 Xuất hiện trong một số từ láy có âm tiết A hay B với âm đầu khác nhưng không viết với s ( trừ một vài trường hợp như: lụp sụp, cục súc, đồ sộ, sáng loáng).

 Ví dụ: loăn xoăn, lao xao, lung xung,…

c.Đặc điểm về ngữ nghĩa:

 Từ hay âm tiết viết với s, có thay yếu tố Hán Việt đồng nghĩa với phụ âm khác ( không viết s)

 Ví dụ: se sẽ - khe khẽ

 Sít - khít

 Từ hay âm tiết viết với x, có từ thay yếu tố Hán Việt đồng nghĩa với phụ âm khác

 Ví dụ: xoàng – thường

 Xung quanh – chung quanh

 Xem – chen

**3.4/.Chính tả phân biệt r / d / gi**:

 Hiện nay tiếng Việt vẫn duy trì cách viết chính tả phân biệt r/d/ gi nhưng nói chung trong cách phát âm không còn sự phân biệt đó nữa. Tình hình đó gây ra khó khăn về chính tả do những biến đổi ngữ âm trong phương ngữ của miền Bắc, phát âm phụ âm r nhập vào nhóm d/ gi và không còn phân biệt r với d/ gi. Để hướng dẫn học sinh viết đúng r/d/ gi tôi dựa vào một số phân biệt sau:

a/**Phân biệt d/ gi:**

 Khả năng kết hợp d và gi trong cấu trúc âm tiết gi không xuất hiện trong các âm tiết có âm đệm. Nên chữ viết gi không đứng trước oa, oă, uâ, uê, uy là những kết hợp âm đệm ( viết o hay u) với các âm chính ( nguyên âm ), d không xuất hiện trong các âm tiết có âm đệm. Nên chữ viết d có thể đứng trước oa, oă, uâ, uê, uy:

 Ví dụ: duyên số, duyên phận

 Đe doạ

 Khả năng kết hợp d và gi với thanh điệu trong cấu trúc âm tiết là yếu tố Hán Việt.

 Yếu tố Hán Việt có thanh hỏi, thanh ngã, thanh sắc viết với gi.

 Ví dụ: Giai cấp, gian tham

 Yếu tố Hán Việt có thanh ngang hay thanh huyền và âm chính là một nguyên âm không phải là a đều viết d.

 Ví dụ: Dân chủ

 Diễm phúc

 Dư dật

 b.Đặc điểm ngữ nghĩa:

 Một số âm tiết có âm đầu viết gi, có âm tiết đồng nghĩa viết gi, viết tr, viết c( k), viết ch hoặc viết t.

 Ví dụ: giặc - tặc, bây- giờ, giời -trời

 Một số âm tiết có âm đầu viết đồng nghĩa viết d, viết th

 Ví dụ: dáng- dạng

 dớn dác - nhớn nhác

 dư- thừa

 Khả năng cấu tạo từ láy: các âm tiết có âm đầu r không tạo thành từ láy với các âm tiết có âm d/ gi.

 Các từ láy âm đầu r- r thường biểu thị những sắc thái nghĩa riêng ( không viết với d hay gi

 Mô phỏng tiếng động: ra rả, rào rào, réo rắt,…

 Miêu tả sự rung động có hình ảnh ( từ láy hình tượng): rung rinh, run rẩy, rậm rạp,…

 Miêu tả ánh sáng ( có màu sắc và hình ảnh): rực rỡ, roi rói,..

 Âm tiết có âm đầu r có thể tạo thành từ láy với âm tiết có âm đầu b và âm tiết có âm đầu c/ k, các âm tiết có âm đầu d hay gi không có khả năng này.

 Ví dụ: bứt rứt, cập rập

 Trong những trường hịên tượng đồng nghĩa có khác biệt về âm đầu cần sự lựa chọn chính tả theo cách viết thống nhất, phổ

biến cả nước không viết theo cách viết âm của các phương ngữ.

c/Phối hợp các giải pháp tích cực trong việc sửa lỗi sai cho học sinh:

 Bên cạnh phương pháp tích cực cung cấp cho học sinh các quy tắc chính tả, hướng dẫn cho học sinh luyện tập thực hành nhằm hình thành các kỹ xảo chính tả, cần phối hợp áp dụng những trường hợp viết sai chính tả. Hướng dẫn học sinh phát hiện sửa chữa lỗi chính tả, rồi từ đó hướng dẫn học sinh đi cái đúng nói cách khác, việc hướng dẫn học sinh viết đúng chính tả cần tiến hành đồng thời các việc loại bỏ các lỗi chính tả trong các bài viết.

 Về các loại lỗi chính tả của học sinh ở trên có ba loại lỗi cơ bản sau: lỗi chính tả do không nắm vững chính tự. Loại lỗi này thường gặp khi viết các phụ âm đầu r/ d/gi, tr/ ch, ng/ ngh, s/x, l/n.

 Ví dụ “ ngành nghề” viết thành “nghành nghề”

 “ xôn xao” viết thành “ sôn sao”

Để cho học sinh sửa loại lỗi chính tả này, trước tiên học sinh cần nắm vững các quy tắc chính tả, nhớ kĩ mặt chữ trong các phụ âm dễ lẫn lộn… trên các cơ sở đó học sinh sẽ dần dần sửa được các lỗi chính tả trên.

 Lỗi chính tả do không nắm vững cấu trúc âm tiết Tiếng Việt, do học sinh không hiểu hoặc chưa nắm bắt được cấu trúc nội bộ âm tiết Tiếng Việt nên học sinh viết thừa hoặc viết sai.

 Ví du: quét nhà viết thành quyết nhà hoặc viết thành quoét nhà.

 Quảng Ninh viết thành Quoảng Ninh

 Khúc khuỷu viết thành khúc khuỷ.

 Để sửa chửa lỗi trên cho học sinh người giáo viên phải hướng dẫn cho học sinh nắm vững được các âm cấu trúc âm tiết Tiếng Việt. Cấu trúc âm tiết Tiếng Việt chia thành mấy phần, là những phần nào, vị trí của từng phần trong âm tiết,…Khi học sinh đã nắm được các cấu trúc âm tiết từ đó học sinh dễ dàng trong việc viết đúng chính tả, chuẩn chính tả.

 Lỗi chính tả do viết theo lỗi phát âm địa phương hoặc do không nắm vững chính âm. Do ảnh hưởng của phương ngữ địa phương nên học sinh có lời nói sai giữa phụ âm l/ n, không nói phụ âm đầu tr, s, r trong giao tiếp. Đó là nguyên nhân cơ bản dẫn đến sai lỗi chính tả cho học sinh.

 Ví dụ: học sinh không thể không phân biệt giữa l và n nên đã viết: Lúa nếp thanh lúa lếp hoặc núa nếp

 Lung linh viết thành nung ninh

 Hoặc khi giao tiếp phương ngữ không sử dụng âm đầu tr, s, r, dẫn đến khi viết học sinh đã viết sai.

 Ví dụ: Nước non viết thành nước lon

 Xuân sang viết thành xuân xang

 Rung rinh viết thành rung dinh

 Để sửa lỗi này giáo viên cần cho học sinh nắm vững chính âm Tiếng Việt, cần tập phát âm chuẩn tập viết nhiều lần những lỗi chính tả mà địa phương thường mắc phải giáo viên có thể sử dụng xây các “ mẹo’’ để giúp học sinh viết đúng.

 Để giúp học sinh sửa các loại lỗi chính tả theo hướng loại bỏ cái sai, xây dựng cái đúng giáo viên có thể nêu ra những đoạn văn, đoạn thơ trong đó có từ viết sai chính tả để học sinh tự mình phát hiện lỗi tìm nguyên nhân sai để sửa lại cho đúng.

 Ví dụ bài tập 1 chính tả tuần 12 vở bài tập TV tập 1 lớp 3 trang 58.

 Giáo viên đưa thêm một vài câu thơ cho học sinh phát hiện lỗi sai và sửa:

 Ví dụ: Đồng Tháp Mười cò bay thẳng cánh

 Lước Tháp Mười nóng nánh cá tôm.

 Học sinh phát hiện lỗi sai và tự sửa:

 Đồng Tháp Mười cò bay thẳng cánh

 Nước Tháp Mười lóng lánh cá tôm

 Tóm lại: trên đây là một số biện pháp áp dụng dạy môn chính tả đạt được kết quả tốt, nâng cao hiệu quả giờ dạy môn chính tả. Tuy nhiên không phải giờ dạy nào cũng sử dụng tốt tất cả các phương pháp đó, tuỳ theo từng bài chúng ta sử dụng phương pháp cho thích hợp. Những yêu cầu khi sử dụng phương pháp này phải phối hợp một cách sinh động hài hoà.

 Tôi đã sử dụng các phương pháp này để giảng dạy các tiết chính tả và thấy rằng đạt hiệu quả cao.

b.2/ **Bài dạy thực nghiệm:**

 Quá trình giảng dạy suốt năm học( 2021- 2022) tôi đã áp dụng phần thực nghiệm qua các phương pháp dạy học mới của chương trình thực hiện thay sách mới lớp 3, tiến hành rèn luyện trên các loại bài của phân môn chính tả. Chính vì có sự chuẩn bị kĩ trong các bài soạn và các giờ dạy trên lớp với từng loại bài như: tập chép, nghe viết, nhớ viết, phân biệt,…Tôi đã thu được những kinh nghiệm thực tế cho bản thân trong quá trình rèn luyện chữ viết và viết đúng chính tả cho học sinh lớp 3 nói riêng và học sinh tiểu học nói chung.

 Lớp 3A

 Môn: Chính tả( nghe- viết)

 Bài: Cuộc chạy đua trong rừng

 I .Mục đích, yêu cầu:

 Rèn kĩ năng viết chính tả:

 1- Nghe viết chính xác, trình bày đúng một đoạn tóm tắt truyện Cuộc chạy đua trong rừng.

 2- Làm đúng bài tập phân biệt các âm, dấu thanh dễ viết sai do phát âm sai: l/n; dấu hỏi/ dấu ngã.

 3- Giáo dục học sinh có ý thức rèn viết chữ đẹp giữ vở sạch.

 II. Đồ dùng dạy học:

-Bảng phụ viết sẵn: nội dung bài tập 2( 2a) viết những từ có tiếng cần điền ( viết 2 lần).

 Ví dụ: thiếu… iên, chàng…ai, khăn…ụa;

 thắt …ỏng; sau… ưng; sắc…âu;

 … ạnh buốt; mình …ó; chủ.. ó; xa.. ại

 Nội dung BT2( 2b) ( viết 2 lần ) - phấn màu.

III. Các hoạt động dạy và học:

 A. Kiểm tra bài cũ:

 Giáo viên đọc cho học sinh viết.

 + Gọi 2 học sinh ( Trang, Phương Nam) lên bảng viết

 + Học sinh dưới lớp viết bảng còn một số từ sau: rổ, quả dâu, giầy dép.

 Sau mỗi từ học sinh viết xong - gọi học sinh nhận xét, giáo viên nhận xét - sửa sai cho học sinh ( nếu có)

 B.Dạy bài mới :

1. Giới thiệu bài:

 Bài chính tả hôm nay cô sẽ đọc cho các con nghe và viết chính xác, trình bày đúng đoạn văn viết tóm tắt truyện.

 Cuộc chạy đua trong rừng; các con sẽ luyện viết đúng các tiếng có âm vần dễ lẫn: l/n; dấu hỏi / dấu ngã.

2.Hướng dẫn nghe- viết

* 1. Hướng dẫn học sinh chuẩn bị:

 - Giáo viên đọc bài chính tả 1lần – 2 học sinh đọc lại, học sinh cả lớp theo dõi bài SGK.

 - Hướng dẫn học sinh nhận xét chính tả- GV hỏi:

 + Đoạn văn trên có mấy câu? (3 câu)

 + Những chữ nào trong đoạn viết hoa? ( Các chữ đầu bài, đầu đoạn, đầu câu và tên nhân vật. ( Cụ thể là )

( Cuộc, Ngựa Con, Vốn, Khi)

 + Cuối mỗi câu ghi dấu gì? ( dấu chấm)

* Hướng dẫn học sinh viết chữ khó bảng con:

 - Học sinh viết chữ dễ viết sai vào bảng con:

Ví dụ: khoẻ, giành, nguyệt quế, mải ngắm, nghe lời nên, thợ rèn,…( gv phân tích sửa sai nếu có ).

 + Phân tích: từ khoẻ, tiếng “ khoẻ’’ có âm gì ghép với vần gì? ( kh+ oe +thanh hỏi )

 Giành: tiếng “ giành” gồm có âm gì ghép với vần gì? ( gi+ anh+ thanh huyền)

 Nguyệt: tiếng “ nguyệt’’ gồm có âm nào ghép với vần nào? ( nguyệt: ng+ uyêt+ thanh nặng)

Từ “ nghe lời” tiếng “ lời’’ có âm nào ghép với vần nào? ( + lời: l+ ơi + thanh huyền )

 + nên: ( n+ ên )

 + rèn: (r+en+ thanh huyền)

* Học sinh đọc lai các từ khó trên.
	1. Giáo viên đọc bài cho học sinh viết:

- GV nhắc nhở học sinh tư thế ngồi viết, cầm bút, để vở cho đúng.

- Cách trình bày bài viết một đoạn văn xuôi như thế nào cho đúng, đẹp.

- GV đọc bài cho học sinh viết.

- GV đọc to, rõ ràng chậm, chú ý các từ khó viết.

- Cần đọc từ, cụm từ, câu.

c. Chấm, chữa bài cho học sinh:

 + GV đọc cho học sinh thoát bài và tự sửa lỗi chính tả.

 + Chấm 5 bài nhận xét chung.

 3.Hướng dẫn học sinh làm bài tập(2) - lựa chọn BT 2 trong STVT2L3( 83) +2, chính là bài tập một (47) VBTTV3 ( tập 2)

+ 1 học sinh đọc yêu cầu của bài tập (Điền l hoặc n vào chỗ trống ) - từ “ thiếu niên” thời trước có nghĩa là “ thanh niên”

 -Học sinh tự làm bài vào vở bài tập.

+ Gọi 2 học sinh nên bảng, phát cho mỗi em một viên phấn màu. Học sinh điền âm l/n vào chỗ trống ( nội dung bài tập đã được viết trên bảng phụ ), sau đó đọc kết quả.

 Cả lớp và giáo viên nhận xét chốt lại lời giải đúng: thiếu niên- nai nịt- khăn lụa- thắt lỏng- rủ sau lưng- sắc nâu sẫm + trời lạnh buốt- mình nó - chủ nó - từ xa lại.

 Bài tập 2 ( 47) VBT

 - Học sinh tự làm tổ chức cho hai nhóm học sinh làm bài theo cách thi tiếp sức.

 - Nội dung bài 2 đã ghi vào hai băng giấy to gắn lên bảng.

 Ví dụ: Nhóm một và nhóm hai cùng lên chơi trong khoảng thời gian là 2 phút, dùng phấn màu đặt dấu hỏi/ dấu ngã trên những chữ in đậm.

 - Nhóm nào điền nhanh, đúng nhóm đó thắng, lớp tuyên dương.

 - Cả lớp và giáo viên nhận xét chốt lại lời giải đúng:

 Mười tám tuổi - ngực nở - da đỏ như lim- người đứng thẳng- vẻ đẹp của anh – hùng dũng như một chàng hiệp sĩ.

4.Củng cố - dặn dò:

 GV Cho học sinh chơi trò chơi chia lớp làm 3 đội, yêu cầu

mỗi đội tìm các từ có âm đầu là l/ n. Đội nào tìm được nhiều từ đội đó thắng.

-GV nhắc lại nội dung bài học.

-Thu vở chính tả về nhà chấm điểm.

 Nhận xét

 Sau khi dạy bài chính tả này tôi đã thể nghiệm được những vấn đề sau:

 + Khi đọc cho học sinh viết, tôi đọc to, rõ ràng, lưu loát, nhấn mạnh vào những tiếng khó.

 + Hướng dẫn học sinh viết từ khó cụ thể.

 + Khi đọc cho học sinh soát bài cần đọc chậm và nhấn mạnh những tiếng khó để các em có thời gian tìm ra lỗi để sửa chữa.

 + Kết quả bài viết đã tiến bộ rõ rệt, học sinh trinh bày bài đẹp chữ viết đúng cỡ chữ, nét chữ tương đối đều đẹp, lỗi chính tả được hạn chế, giảm hẳn việc viết hoa tuỳ tiện.

 + Sai âm đầu l/n: còn 1 em

 s/ x: còn 1em

 r/d/ gi: còn 1em

 sai vần : còn 1 em

 + Viết hoa tuỳ tiện: 0 em

Phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu.

 A. Phương pháp nghiên cứu

 Thực hiện đề tài này tôi sử dụng một số phương pháp cơ bản sau:

1. Phương pháp luyện tập thực hành:

Phương pháp thảo luận nhóm: đây là phương pháp đưa ra những ý kiến từ đơn giản đến phức tạp, từ dễ đến khó để học sinh vận dụng tri thức đã học rèn luyện kĩ năng, kĩ xảo và củng cố kiến thức. Với phương pháp này tôi thường đưa ra những yêu cầu từng mức độ khác nhau cho học sinh từ một câu đến một đoạn, từ chữ cỡ nhỡ, đến chữ cỡ nhỏ, từ viết tốc độ chậm đến viết tốc độ nhanh..

 2.Phương pháp quan sát sư phạm**:**

 Đây là phương pháp thu nhập thông tin về đối tượng nghiên cứu và các nhân tố khác liên quan đến đối tượng. Tôi thường áp dụng phương pháp này khi dự giờ thăm lớp, nhờ đó tôi kịp thời phát hiện ra lỗi sai của học sinh về chữ viết, tư thế ngồi viết, tư thế cầm bút, kỉ luật lia bút, vị trí để tay, vở viết, việc xê dịch vở khi viết,…

3.Phương pháp nghiên cứu sản phẩm:

 Đây là phương pháp nắm bắt đối tượng thông qua các sản

phẩm của đối tượng. Tôi áp dụng phương pháp này để lấy số liệu thông qua bài viết, bài làm, bài kiểm tra, điểm trong lớp của học sinh để phân loại đối tượng của học sinh.

 **5.Kết quả đạt được:**

Qua quá trình rèn luyện và sửa lỗi cho học sinh trong cácgiờ học chính tả trên lớp. Tôiáp dụng các phương pháp giảng dạy đã nêu ở trên, sau mỗi lần kiểm tra định kỳ tôi thấy các em có tiến bộ nhiều là đã biết sửa lỗi sai mà mình mắc phải.

Kết quả đạt được như sau :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | Tổng số hs | Điểm thi chính tả |
| 1-2 | 3-4 | 5-6 | 7-8 | 9-10 |
| 3A | 32 |  |  |  |  |  |
| Kì I | 0 | 0 | 0 | 9/32 | 16/32 | 7/32 |
| Kì II | 0 | 0 | 0 | 3/32 | 20/32 |  11/32 |

* **Tóm lại:** Để dạy tốt môn chính tả, giúp học sinh khắc phục được lỗi sai, người giáo viên phải giúp học sinh phối hợp 6 giải pháp sửa lỗi sai:

 1.Muốn viết đúng chính tả Tiếng Việt, phải phát âm đúng tức là: chính âm đi trước chính tả.

 2.Muốn viết đúng chính tả Tiếng Việt phải dựa vào nguyên âm đã học.

 3.Muốn viết đúng chính tả Tiếng Việt phải nắm vững mối quan hệ giữa âm

 và chữ.

 4.Muốn viết đúng chính tả đôi khi phải dùng “ mẹo’’ để viết ( ghi nhớ máy móc ).

 5.Muốn viết đúng chính tả Tiếng Việt phải có cách nhớ từng chữ một.

 6.Muốn viết đúng chính tả Tiếng Việt phải khắc phục lỗi sai do phương ngữ.

 Dạy tốt môn chính tả phải có mức độ yêu cầu cụ thể đối với học sinh trong từng giai đoạn ở từng khối lớp: về tốc độ viết, độ dài bài viết, thời gian luyện viết sao cho phù hợp.

 Để đánh giá đúng mức độ một tiết dạy chính tả, khi dự giờ thăm lớp và khi dạy cần tập trung phân tích những vấn đề trọng tâm sau:

* Kiến thức về ngữ âm, chính tả của người dạy có gì sai sót không?
* Tiết dạy có thể hiện được tính chất thực hành của phân môn hay không?
* Tiết dạy có góp phần thực hành và phát triển kĩ năng, kĩ xảo chính tả cho học sinh hay không?
* Nguyên tắc dạy chính tả theo khu vực có được quán triệt trong tiết dạy hay không?
* Người dạy có xuất phát từ thực tiễn lỗi sai của địa phương mình, của lớp mình hay không?

 Trong quá trình tổ chức tiết dạy chính tả, người dạy phải có ý thức phát huy vai trò chủ thể của học sinh trong việc chủ động tiếp nhận tri thức.

**6.Điều kiện để sáng kiến được nhân rộng:**

 Để sáng kiến được áp dụng có hiệu quả,người giáo viên phải:

Thường xuyên học hỏi để có nhiều kinh nghiệm,sáng tạo trong bài dạy,cách truyền thụ kiến thức nhằm tạo cho học sinh hứng thú trong học tập.

Phải nắm đựơc trình độ học sinh,để lựa chọn phương pháp và hình thức tổ chức cho phù hợp tạo ra không khí lớp học nhẹ nhàng, vui vẻ ,sôi nổi.

Giáo viên mạnh dạn đổi mới phương pháp dạy bằng nhiều hình thức tổ chức cho phù hợp với đặc điểm tình hình lớp mình để đạt hiệu quả cao nhất.

Quan tâm đến mọi đối tượng học sinh trong lớp nhằm phụ đạo cho học sinh chưa hoàn thành và bồi dưỡng học sinh năng khiếu.

Giáo viên luôn phải kiên trì ,không nóng vội, nôn nóng, luôn tin tưởng vào sự tiến bộ của học sinh để khuyến khích, động viên các em kịp thời .

 **KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ**

  **A. Kết luận vấn đề**

Để nâng cao chất lượng giờ dạy chính tả do học sinh lớp 3 nói riêng và cho học sinh tiểu học nói chung trong mỗi lớp học là sự nỗ lực không ngừng của mỗi người giáo viên và bản thân học sinh. Để việc dạy và học có hiệu quả bản thân mỗi người giáo viên cần nắm vững kiến thức để truyền thụ cho học sinh.

 Trên đây là một vài kinh nghiệm nhỏ của bản thân viết về đề tài: “ Góp phần nâng cao chất lượng giờ dạy chính tả cho học sinh lớp 3”. Tôi mong muốn khi đọc đề tài này mỗi đồng chí sẽ thấy được vài ý kiến lấy làm kinh nghiệm cho bản thân mình và sẽ áp dụng vào giờ dạy với những nội dung phương pháp tích cực.

 Tuy thời gian giành cho việc nghiên cứu khá dài, bản thân tôi đã cố gắng nhiều, song cũng không tránh khỏi những hạn chế.

 Cho phép tôi được bày tỏ lòng cảm ơn đến các đồng chí trong Ban giám khảo bổ sung đóng góp ý kiến để đề tài trên đây của tôi được hoàn thiện hơn.

 **B. Kiến nghị**

Trong quá trình làm đề tài được sự đồng ý của ban giám hiệu trường tiểu học Tân Việt, bản thân tôi được dự giờ của một số đồng chí giảng dạy lớp 3, khi giảng dạy chính tả phân biệt các phụ âm đầu r/d/ gi đồng thời để kiểm nghiệm lại quá trình dạy và học môn chính tả. Bản thân tôi có đề xuất sau:

 a.Về phía nhà trường:

 Trang bị thêm đồ dùng dạy học và phương tiện dạy học khác.

 b.Về phía giáo viên:

 Giáo viên phải có ý thức khắc phục ảnh hưởng của phương ngữ, phải có chuẩn chính âm và viết chuẩn chính tả. Giáo viên phải quan tâm sửa sai cho học sinh theo phương châm “ Sai gì sửa đấy, sai đâu sửa đó” thật kịp thời … để từ đó học sinh sẽ sửa được các lỗi chính tả đã mắc phải.

 c.Về phía học sinh:

 Để học sinh viết đúng chính tả, không bị mắc lỗi, ngoài việc người giáo viên tích cực thì học sinh cũng cần phối hợp tích cực để đạt hiệu quả cao. Do đó học sinh không được trực tiếp nhận ra các lỗi sai để sửa lỗi, do đó sai này nối tiếp sai kia, muốn sửa được sai cho học sinh giáo viên cần cho học sinh tự nhận lỗi sai và sửa chữa, giáo viên tích cực giúp học sinh khắc phục các lỗi sai cơ bản do phương ngữ( học sinh ngọng l/n ) do chưa phân biệt các phụ âm l-n, s-x, d-gi-r và chưa nắm vững các nguyên tắc ngữ âm học như gh ghép với âm e, ê, i, g ghép với âm o, ô, ơ… Từ chỗ học sinh nhận thấy lỗi sai và ý thức ghi nhớ sửa các lỗi sai chính tả như: vở bài tập, bảng con, giẻ lau, phấn màu…các yếu tố này sẽ góp phần hoàn thiện, nâng cao giờ học chính tả cho học sinh.

**IV.Tài liệu tham khảo- phụ lục**

 **Tài liệu tham khảo**

 1. Từ điển Tiếng Việt

 2. Sổ tay chính tả học sinh ( Dùng cho học sinh phổ thông các cấp )

 Nhà xuất bản

 Đại học và giáo dục chuyên nghiệp Hà Nội

3.Hướng dẫn dạy Tiếng Việt( tập 1+ tập 2)

 ( Sách dùng cho giáo viên )

 Nhà xuất bản giáo dục

1. Dạy tập viết ở trường tiểu học

 Nhà xuất bản giáo dục.

**MỤC LỤC**

 **Mở đầu Trang**

Thông tin chung về sáng kiến 1

Tóm tắt sáng kiến 2-5

 **Mô tả sáng kiến**

1.Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến 6

2. Cơ sở lý luận của vấn đê 6-7

3.Thực trạng của vấn đề 7-11

4.Các giải pháp ,biện pháp thực hiện 11-25

Giáo án minh họa.

5.Kết quả đạt được 25-26

6.Điều kiện để sáng kiến được nhân rộng 27

 **Kết luận và khuyến nghị**

1. Kết luận 28
2. Khuyến nghị 28-29

1

 Cuối cùng tôi xin chân thành cảm ơn!